

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2025
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Cường;
2. Ông Trịnh Văn Lực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đàm Thị H, sinh năm 1977; thường trú: Số A, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn: Ông Mai Văn T, sinh năm 1985; thường trú: Số A, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bà Đàm Thị H và ông Mai Văn T có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2025, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đàm Thị H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Đàm Thị H và ông Mai Văn T1 sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã H, tỉnh Quảng Trị) theo giấy đăng ký kết hôn số 075/2006, ngày 01/12/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại thành phố D, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Cuộc sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vì vậy, tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên cãi vã, khiến cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Vợ chồng đã cố gắng thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng không thành, vì vậy đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay. Sau khi sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Mai Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Mai Lê Tuấn T2, sinh ngày 26/6/2013 và Mai Đàm Công T3, sinh ngày 19/12/2007. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Lê Tuấn T2 và yêu cầu ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Đàm Công T3. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Mai Văn T trình bày: Ông Mai Văn T thống nhất với lời trình bày của bà Đàm Thị H về quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung, nguyên nhân mâu thuẫn. Ông Mai Văn T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 tháng. Nay bà Đàm Thị H yêu cầu ly hôn thì ông Mai Văn T đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Mai Lê Tuấn T2, sinh ngày 26/6/2013 và Mai Đàm Công T3, sinh ngày 19/12/2007. Ông Mai Văn T tôn trọng nguyện vọng của các con, việc các con muốn sống với bố hay mẹ là do các con lựa chọn. Trường hợp cả 02 con đều muốn sống với mẹ thì ông T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành và tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Đàm Thị H đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là ông Mai Văn T có địa chỉ tại số A, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đàm Thị H và ông Mai Văn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo giấy đăng ký kết hôn số 075/2006, ngày 01/12/2006 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Bà Đàm Thị H và ông Mai Văn T xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên cãi vã khiến cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không chia sẻ, đồng cảm với nhau các vấn đề trong cuộc sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Đàm Thị H yêu cầu được ly hôn và ông Mai Văn T đồng ý.

Việc bà Đàm Thị H và ông Mai Văn T ly thân 06 tháng nay, sau khi sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không đồng ý hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Đàm Thị H và ông Mai Văn T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Đàm Thị H.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung tên Mai Lê Tuấn T2, sinh ngày 26/6/2013 và Mai Đàm Công T3, sinh ngày 19/12/2007. Bà Đàm Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Lê Tuấn T2, sinh ngày 26/6/2013 và ông T nuôi dưỡng con chung tên Mai Đàm Công T3, sinh ngày 19/12/2007. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng, ông Mai Văn T có ý kiến tôn trọng sự lựa chọn của các con. Sau khi bà H, ông T ly thân thì cháu Mai Lê Tuấn T2 sống với bà H, đồng thời cháu T2 có nguyện vọng sống chung với mẹ; cháu Mai Đàm Công T3 sống với ông T và có nguyện vọng sống chung với bố. Do đó, căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở để chấp nhận cho bà Đàm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Lê Tuấn T2, sinh ngày 26/6/2013 và ông Mai Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Đàm Công T3, sinh ngày 19/12/2007. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Mai Văn T và bà Đàm Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Mai Văn T và bà Đàm Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đàm Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đàm Thị H được ly hôn với ông Mai Văn T (Giấy đăng ký kết hôn số 075/2006, ngày 01/12/2006 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình "nay là xã H, tỉnh Quảng Trị" cấp).

Về con chung: Buộc ông Mai Văn T giao người con chung tên Mai Lê Tuấn T2, sinh ngày 26/6/2013 cho bà Đàm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc bà Đàm Thị H giao người con chung tên Mai Đàm Công T3, sinh ngày 19/12/2007 cho ông Mai Văn T tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đàm Thị H và ông Mai Văn T không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, bà Đàm Thị H và ông Mai Văn T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp bà H, ông T lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc ông/bà nuôi con thì ông/bà có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đàm Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004774 ngày 18/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Đàm Thị H đã nộp đủ.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp . HCM;
- VKSND Khu vực 16, Tp . Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV16, Tp . HCM;
- UBND xã Hòa Trạch, tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng